



**CÔNG TY CỔ PHẦN
MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0103019582 ngày 14/09/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/06/2017 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 113/GCN-SGDHN ngày 17/12/2010 với mã chứng khoán là ADC. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là ngày 24/12/2010.

Vốn điều lệ: 30.600.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2019: 30.600.000.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 24.35122163
- Fax: (84) 24.35121385
- Website: www.adc.net.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết: Tổ chức hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế trang web; Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu); Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại; Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- In ấn. Chi tiết: Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy – học; Phát hành sách, tranh - ảnh phục vụ cho ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lich, catalogue) (không bao gồm xuất nhập khẩu); Bán buôn vali, cặp, túi, yếm, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và

0010
CC
T
KIỂM
HA

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm); Dịch vụ ủy thác xuất khẩu;
 - Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và hàng giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Chi tiết: Hoạt động sản xuất các chương trình truyền hình và các chương trình quảng cáo (không hoạt động sản xuất phim ảnh);
 - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
 - Bán buôn thực phẩm;
 - Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 314 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 5 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Lê Hoàng Hải | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2018 |
| • Ông Đinh Gia Lê | Phó chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 24/04/2018 |
| • Ông Phạm Văn Thắng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2018 |
| • Bà Mai Nhị Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 24/04/2018 |
| • Bà Nguyễn Bích La | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2018 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|--------------------------|------------|----------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hồng | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 27/03/2019 |
| • Bà Bùi Thị Thu Lan | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 24/04/2018 |
| | | Miễn nhiệm ngày 27/03/2019 |
| • Ông Nguyễn Văn Quyết | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/04/2018 |
| • Bà Trần Thị Thu Hương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/04/2018 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|---------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Phạm Văn Thắng | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 12/06/2017 |
| • Bà Nguyễn Bích La | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2013 |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 14/05/2019 |
| • Ông Nguyễn Phong Yên | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 12/09/2019 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc



Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2020

10-1
1.H
7/01
KẾ
A



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 327/2020/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 16/03/2020 của Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

T.N.H.H

KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN

AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Văn Thiện – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3108-2020-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		96.533.024.908	88.349.733.585
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		37.185.892.754	36.575.829.171
1. Tiền	111	5	4.172.391.819	4.596.901.194
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	33.013.500.935	31.978.927.977
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14.298.543.556	6.287.500.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	7.a	750.000.000	750.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	7.a	(217.500.000)	(262.500.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7.b	13.766.043.556	5.800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.631.150.035	17.052.253.803
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	14.773.416.201	14.372.365.654
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	1.477.610.024	1.296.341.765
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	3.383.921.378	2.433.698.259
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(1.003.797.568)	(1.050.151.875)
IV. Hàng tồn kho	140	12	21.795.437.197	22.761.617.411
1. Hàng tồn kho	141		21.795.437.197	22.796.768.705
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(35.151.294)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.622.001.366	5.672.533.200
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	4.622.001.366	5.439.435.809
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	233.097.391
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.439.381.074	29.234.871.213
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.274.751.575	5.274.751.575
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	5.274.751.575	5.274.751.575
II. Tài sản cố định	220		19.516.060.651	19.015.803.711
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	19.516.060.651	19.015.803.711
- Nguyên giá	222		32.185.245.027	30.615.559.118
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.669.184.376)	(11.599.755.407)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		561.863.314	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		561.863.314	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.516.244.306	1.781.214.669
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7.c	2.000.000.000	2.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7.c	(483.755.694)	(218.785.331)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.570.461.228	3.163.101.258
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	5.570.461.228	3.163.101.258
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	370		128.972.405.982	117.584.604.798

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		71.276.541.967	64.672.192.390
I. Nợ ngắn hạn	310		71.276.541.967	64.672.192.390
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	37.774.889.035	39.810.296.264
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	2.761.211.992	2.849.258.665
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	3.245.782.875	2.638.958.557
4. Phải trả người lao động	314		24.440.594.258	17.493.160.266
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	1.534.239.315	1.001.895.333
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.519.824.492	878.623.305
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		57.695.864.015	52.912.412.408
I. Vốn chủ sở hữu	410		57.695.864.015	52.912.412.408
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	30.600.000.000	30.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.600.000.000	30.600.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(227.778.500)	(227.778.500)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	16.256.129.721	12.539.884.977
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	11.067.512.794	10.000.305.931
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.067.512.794	10.000.305.931
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		128.972.405.982	117.584.604.798



Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên

Người lập biểu

Nguyễn Huy Hoàng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	378.917.948.546	348.973.966.601
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		378.917.948.546	348.973.966.601
4. Giá vốn hàng bán	11	22	253.391.620.133	230.948.441.251
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		125.526.328.413	118.025.525.350
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.650.827.461	1.696.203.761
7. Chi phí tài chính	22	24	219.970.363	487.942.795
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	-	1.225.064
8. Chi phí bán hàng	25	25.a	87.750.296.594	85.475.689.488
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.b	25.833.865.628	21.631.857.768
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.373.023.289	12.126.239.060
11. Thu nhập khác	31	26	1.342.565.606	1.231.031.370
12. Chi phí khác	32	27	93.910.967	179.631.915
13. Lợi nhuận khác	40		1.248.654.639	1.051.399.455
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.621.677.928	13.177.638.515
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	3.554.165.134	3.177.332.584
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		11.067.512.794	10.000.305.931
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.893	2.614
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	2.893	2.614



Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên

Người lập biểu

Nguyễn Huy Hoàng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019


Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.621.677.928	13.177.638.515
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	14	1.443.423.514	1.133.186.009
- Các khoản dự phòng	03		138.464.762	712.913.058
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.787.191.097)	(1.268.083.210)
- Chi phí lãi vay	06		-	1.225.064
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		14.416.375.107	13.756.879.436
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.227.535.124)	1.170.068.684
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.001.331.508	(8.345.653.392)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		6.310.428.904	2.798.907.111
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.589.925.527)	75.703.104
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(1.225.064)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(3.915.887.643)	(2.373.683.958)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.358.860.000)	(1.378.047.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.635.927.225	5.702.948.921
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(2.505.543.768)	(1.384.044.545)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		136.363.636	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7.966.043.556)	(5.800.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23	1.578.918.051	1.253.693.963
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.756.305.637)	(5.930.350.582)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(145.841.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19	(4.269.558.005)	(4.284.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.269.558.005)	(4.429.841.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		610.063.583	(4.657.242.661)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5;6	36.575.829.171	41.233.071.832
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5;6	37.185.892.754	36.575.829.171

Giám đốc


Phạm Văn Thắng

Kế toán trưởng


Nguyễn Phong Yên

Người lập biểu


Nguyễn Huy Hoàng

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Khái quát chung

Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0103019582 ngày 14/09/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/06/2017 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh chính: *Phát hành sách mầm non; Bán lẻ sách báo, văn phòng phẩm, đồ dùng gia đình; Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác.*

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết: Tổ chức hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế trang web; Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu); Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại; Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- In ấn. Chi tiết: Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mĩ thuật và truyền thông;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mĩ thuật, thiết kế - đồ họa (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy – học; Phát hành sách, tranh - ảnh phục vụ cho ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lịch, catalogue) (không bao gồm xuất nhập khẩu); Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm in ấn, chế bản, mĩ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm); Dịch vụ ủy thác xuất khẩu;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và hàng giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Chi tiết: Hoạt động sản xuất các chương trình truyền hình và các chương trình quảng cáo (không hoạt động sản xuất phim ảnh);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

19/07/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Việc lập dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính. Theo đó, dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng có khả năng không đòi được.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	50
Máy móc, thiết bị	1,5 – 3
Phương tiện vận tải	3 – 4
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5 – 3
Tài sản cố định khác	Hết khấu hao

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 18 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông góp vốn theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.9 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.10 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.11 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.12 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.13 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - Đối với sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - Đối với sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, sách bản quyền: Áp dụng mức thuế suất 5%;
 - Đối với thiết kế, chế bản và truyền thông: Áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt	889.798.210	772.640.734
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.282.593.609	3.824.260.460
Cộng	4.172.391.819	4.596.901.194

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng	33.013.500.935	31.978.927.977
Cộng	33.013.500.935	31.978.927.977

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	750.000.000	532.500.000	(217.500.000)	750.000.000	487.500.000	(262.500.000)
Cộng	750.000.000	532.500.000	(217.500.000)	750.000.000	487.500.000	(262.500.000)

Theo quyết định số 45A/QĐ-MTTT ngày 05/03/2016 của Giám đốc Công ty về việc góp vốn tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội thì mục đích đầu tư là để sinh lời và chuyển nhượng khi có điều kiện.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 6 tháng	13.766.043.556	13.766.043.556	5.800.000.000	5.800.000.000
Cộng	13.766.043.556	13.766.043.556	5.800.000.000	5.800.000.000

Tại thời điểm 31/12/2019, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng. Ban Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị.

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2019			01/01/2019	
				Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác					2.000.000.000	(483.755.694)	2.000.000.000	(218.785.331)
- Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam	Đang hoạt động	1,84%	1,84%	200.000	2.000.000.000	(483.755.694)	2.000.000.000	(218.785.331)
Cộng					2.000.000.000	(483.755.694)	2.000.000.000	(218.785.331)

Cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư Xuất bản – Thiết bị Giáo dục Việt Nam chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Dự phòng được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Phát hành sách TP. HCM - Fahasa	816.029.707	1.250.242.084
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	3.293.179.532	1.862.636.561
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	898.622.756	1.111.207.286
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Gia Lai	1.678.929.452	8.971.117
Các đối tượng khác	8.086.654.754	10.139.308.606
Cộng	14.773.416.201	14.372.365.654

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Công ty đầu tư	898.622.756	1.111.207.286
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	ĐVTT Công ty đầu tư	875.683.237	77.433.046
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	ĐVTT Công ty đầu tư	481.151.912	45.551.912
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	ĐVTT Công ty đầu tư	479.160.000	347.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	3.293.179.532	1.862.636.561
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	651.944.188	423.148.754
Cộng		6.679.741.625	3.866.977.559

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty TNHH AMPRINT Việt Nam	327.859.331	-
Khách sạn Mường Thanh Hà Nội - CN CTCP Tập đoàn Mường Thanh	166.544.000	-
Các đối tượng khác	983.206.693	1.296.341.765
Cộng	1.477.610.024	1.296.341.765

10. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
BHXH, BHYT, BHTN	29.343.993	-	34.926.389	-
Lãi dự thu	210.564.611	-	138.655.201	-
Tạm ứng	1.861.532.750	-	920.251.303	-
Ký cược, ký quỹ	205.881.000	-	205.881.000	-
Phải thu thuế TNCN nhân viên	825.153.252	-	897.559.534	-
Phải thu khác	251.445.772	-	236.424.832	(34.072.165)
Cộng	3.383.921.378	-	2.433.698.259	(34.072.165)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	5.274.751.575	-	5.274.751.575	-
Cộng	5.274.751.575	-	5.274.751.575	-

11. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	1.003.797.568	1.050.151.875
- Từ 3 năm trở lên	806.099.043	389.007.654
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	136.694.417	272.652.204
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	61.004.108	388.492.017
Cộng	1.003.797.568	1.050.151.875

b. Nợ xấu

	31/12/2019			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Công ty CP Sách và TBTH Hà Giang	565.929.026	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Các đối tượng khác	706.691.171	268.822.629	Từ 1 năm đến trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	1.272.620.197	268.822.629		

	01/01/2019			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Công ty CP Sách và TBTH Hà Giang	585.929.026	292.964.513	Từ 2 năm đến 3 năm	Quá hạn thanh toán
Các đối tượng khác	969.565.811	212.378.449	Từ 1 năm đến trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	1.555.494.837	505.342.962		

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.484.351.978	-	9.530.438.189	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	474.097.087	-
Thành phẩm	12.896.219.789	-	12.618.223.399	(35.151.294)
Hàng hóa	414.865.430	-	174.010.030	-
Cộng	21.795.437.197	-	22.796.768.705	(35.151.294)

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2019.
- Không có hàng tồn kho kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2019.

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí thuê, sửa chữa cửa hàng	3.616.602.521	4.135.688.435
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	162.734.540	155.841.116
Phí quản lý xuất bản	-	98.546.564
Bản quyền tác giả	769.586.934	941.798.489
Các khoản khác	73.077.371	107.561.205
Cộng	4.622.001.366	5.439.435.809

b. Dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	-	136.800.730
Chi phí thuê cửa hàng, kho, xưởng,... chờ phân bổ	5.402.222.236	2.455.555.564
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	68.383.306	553.345.178
Các khoản khác	99.855.686	17.399.786
Cộng	5.570.461.228	3.163.101.258

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	18.125.999.284	7.413.403.267	4.039.236.736	966.628.943	70.290.888	30.615.559.118
Mua sắm trong năm	-	-	1.943.680.454	-	-	1.943.680.454
Giảm trong năm	-	-	373.994.545	-	-	373.994.545
Số cuối năm	18.125.999.284	7.413.403.267	5.608.922.645	966.628.943	70.290.888	32.185.245.027
Khấu hao						
Số đầu năm	1.026.028.258	5.804.518.261	3.839.209.199	859.708.801	70.290.888	11.599.755.407
Khấu hao trong năm	362.519.988	567.000.626	426.508.137	87.394.763	-	1.443.423.514
Giảm trong năm	-	-	373.994.545	-	-	373.994.545
Số cuối năm	1.388.548.246	6.371.518.887	3.891.722.791	947.103.564	70.290.888	12.669.184.376
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	17.099.971.026	1.608.885.006	200.027.537	106.920.142	-	19.015.803.711
Số cuối năm	16.737.451.038	1.041.884.380	1.717.199.854	19.525.379	-	19.516.060.651

- Không có TSCĐ hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2019.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 9.850.753.019 đồng.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP In Bao bì Hà Tây	2.208.122.654	1.732.346.457
Công ty CP Việt Tinh Anh	1.963.372.651	2.272.232.876
Xí nghiệp Bàn đồ 1 - Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ	2.191.779.413	3.894.725.896
Các đối tượng khác	31.411.614.317	31.910.991.035
Cộng	37.774.889.035	39.810.296.264

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung Công ty đầu tư	500.419.540	364.186.200
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	333.428.661	467.402.509
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư	431.353.452	201.165.453
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư	103.480.780	269.727.389
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	133.123.736	91.016.066
Cộng		1.501.806.169	1.393.497.617

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Lào Cai	186.901.191	-
Các đối tượng khác	2.574.310.801	2.849.258.665
Cộng	<u>2.761.211.992</u>	<u>2.849.258.665</u>

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	-	7.932.475.180	6.924.976.956	-	1.007.498.224
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.123.261.803	3.554.165.134	3.915.887.643	-	761.539.294
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.515.696.754	4.528.468.977	4.567.420.374	-	1.476.745.357
Các loại thuế khác	-	-	19.000.000	19.000.000	-	-
Cộng	-	<u>2.638.958.557</u>	<u>16.034.109.291</u>	<u>15.427.284.973</u>	-	<u>3.245.782.875</u>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019	01/01/2019
Kinh phí công đoàn	760.718.909	542.873.957
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	22.962.640	8.520.645
Phải trả khác	750.557.766	450.500.731
Cộng	<u>1.534.239.315</u>	<u>1.001.895.333</u>

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2018	30.600.000.000	(227.778.500)	9.291.667.858	9.415.271.399	49.079.160.757
Tăng trong năm	-	-	3.248.217.119	10.000.305.931	13.248.523.050
Giảm trong năm	-	-	-	9.415.271.399	9.415.271.399
Số dư tại 31/12/2018	<u>30.600.000.000</u>	<u>(227.778.500)</u>	<u>12.539.884.977</u>	<u>10.000.305.931</u>	<u>52.912.412.408</u>
Số dư tại 01/01/2019	30.600.000.000	(227.778.500)	12.539.884.977	10.000.305.931	52.912.412.408
Tăng trong năm	-	-	3.716.244.744	11.067.512.794	14.783.757.538
Giảm trong năm	-	-	-	10.000.305.931	10.000.305.931
Số dư tại 31/12/2019	<u>30.600.000.000</u>	<u>(227.778.500)</u>	<u>16.256.129.721</u>	<u>11.067.512.794</u>	<u>57.695.864.015</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2019	Năm 2018
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	30.600.000.000	30.600.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	30.600.000.000	30.600.000.000
Cổ tức đã chia	4.284.000.000	4.284.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.060.000	3.060.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.060.000	3.060.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.060.000	3.060.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.060.000	3.060.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.060.000	3.060.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	10.000.305.931	9.415.271.399
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	11.067.512.794	10.000.305.931
Phân phối lợi nhuận	10.000.305.931	9.415.271.399
- Phân phối lợi nhuận năm trước	10.000.305.931	9.415.271.399
+ <i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>	3.716.244.744	3.248.217.119
+ <i>Trích quỹ KTPL, quỹ khen thưởng Ban điều hành</i>	2.000.061.187	1.883.054.280
+ <i>Trả cổ tức bằng tiền</i>	4.284.000.000	4.284.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	11.067.512.794	10.000.305.931

Lợi nhuận sau thuế năm 2018 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 27/03/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 27/03/2019 đã thông qua phương án trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 với tỷ lệ 14%/vốn điều lệ (tương ứng 4.284.000.000 đồng). Theo đó, Công ty đã chi trả toàn bộ số cổ tức trên trong năm 2019.

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2019	01/01/2019
Hàng hóa nhận ký gửi	33.334.559.900	31.799.287.669

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu bán sách tham khảo	361.830.610.621	334.485.778.662
Doanh thu phim, mỹ thuật, truyền thông	17.087.337.925	14.488.187.939
Cộng	378.917.948.546	348.973.966.601

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019	Năm 2018
Giá vốn sách tham khảo	240.631.753.870	219.932.691.643
Giá vốn phim, mỹ thuật, truyền thông	12.759.866.263	11.015.749.608
Cộng	253.391.620.133	230.948.441.251

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.575.827.461	1.193.083.210
Cổ tức, lợi nhuận được chia	75.000.000	75.000.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	428.120.551
Cộng	1.650.827.461	1.696.203.761

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Chi phí tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	219.970.363	481.285.331
Chi phí tài chính khác	-	6.657.464
Cộng	219.970.363	487.942.795

25. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.207.197.090	7.218.463.865
Chi phí nhân công	37.174.810.264	34.742.838.204
Chi phí khấu hao tài sản cố định	404.223.507	609.399.091
Chi phí hoa hồng môi giới	5.421.877.814	7.123.615.934
Chi phí thuê nhà, cửa hàng	20.110.445.980	16.110.404.714
Các khoản khác	22.431.741.939	19.670.967.680
Cộng	87.750.296.594	85.475.689.488

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí công cụ, dụng cụ	122.499.783	1.004.449.514
Chi phí nhân công	12.095.770.453	10.768.576.970
Chi phí khấu hao tài sản cố định	883.827.505	351.478.932
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.371.371.340	6.630.934.604
Các khoản khác	3.406.750.854	2.644.790.021
(Hoàn nhập)/Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(46.354.307)	231.627.727
Cộng	25.833.865.628	21.631.857.768

26. Thu nhập khác

	Năm 2019	Năm 2018
Nhận tiền thưởng, hỗ trợ của nhà cung cấp	1.013.196.818	700.496.352
Thu tiền đền bù do mất hàng	131.051.806	120.588.303
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	136.363.636	-
Thu nhập khác	61.953.346	409.946.715
Cộng	1.342.565.606	1.231.031.370

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Chi phí khác

	Năm 2019	Năm 2018
Các khoản phạt	60.898.762	62.454.347
Các khoản khác	33.012.205	117.177.568
Cộng	93.910.967	179.631.915

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019	Năm 2018
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.621.677.928	13.177.638.515
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	2.756.181.794	2.114.221.447
- Điều chỉnh tăng	2.831.181.794	2.189.221.447
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	2.335.004.699	1.957.593.720
+ Dự phòng nợ phải thu khó đòi	496.177.095	231.627.727
- Điều chỉnh giảm	75.000.000	75.000.000
+ Cổ tức lợi nhuận được chia	75.000.000	75.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	17.377.859.722	15.291.859.962
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.554.165.134	3.177.332.584
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	3.475.571.944	3.058.371.992
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	78.593.190	118.960.592

29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.067.512.794	10.000.305.931
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(2.213.502.559)	(2.000.061.187)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (dự kiến trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành)	2.213.502.559	2.000.061.187
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.854.010.235	8.000.244.744
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.060.000	3.060.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.893	2.614

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.758.815.804	34.091.472.469
Chi phí nhân công	61.836.145.582	55.766.932.818
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.443.423.514	1.133.186.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.103.186.264	95.748.454.011
Chi phí khác bằng tiền	10.800.442.769	7.721.740.028
Cộng	202.942.013.933	194.461.785.335

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ thực tế hoạt động của Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là hoạt động mỹ thuật, truyền thông giáo dục, phát hành sách và một bộ phận địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

32. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Ngoài ra, chi phí in ấn cũng chiếm phần lớn trong giá vốn thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm khách hàng cung cấp với mức phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau, bán hàng thu tiền ngay tại các cửa hàng. Hơn nữa khách hàng của Công ty là các Công ty sách lớn, Vụ mầm non và Sở Giáo dục. Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình thanh toán kịp thời. Mặt khác, các khoản nợ sắp đến hạn thanh toán thường xuyên được Công ty đơn đốc thu hồi.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

	Đơn vị tính: VND		
31/12/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	37.774.889.035	-	37.774.889.035
Phải trả khác	773.520.406	-	773.520.406
Cộng	38.548.409.441	-	38.548.409.441
01/01/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	39.810.296.264	-	39.810.296.264
Phải trả khác	459.021.376	-	459.021.376
Cộng	40.269.317.640	-	40.269.317.640

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.185.892.754	-	37.185.892.754
Đầu tư tài chính	532.500.000	1.516.244.306	2.048.744.306
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.766.043.556	-	13.766.043.556
Phải thu khách hàng	13.769.618.633	-	13.769.618.633
Phải thu khác	1.493.044.635	5.274.751.575	6.767.796.210
Cộng	66.747.099.578	6.790.995.881	73.538.095.459

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

01/01/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.575.829.171	-	36.575.829.171
Đầu tư tài chính	487.500.000	1.781.214.669	2.268.714.669
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.800.000.000	-	5.800.000.000
Phải thu khách hàng	13.356.285.943	-	13.356.285.943
Phải thu khác	1.444.448.402	5.274.751.575	6.719.199.977
Cộng	57.664.063.516	7.055.966.244	64.720.029.760

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	ĐVTT Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	ĐVTT Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	ĐVTT Công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ Tranh ảnh Giáo dục	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP HCM	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Mối quan hệ	Năm 2019	Năm 2018
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Bán tem, sách	389.043.154	1.761.653.430
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Bán tem, sách	5.044.717.702	3.889.155.591
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Bán tem, sách	1.138.145.455	836.854.546
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	Bán tem, sách	3.419.923.455	2.419.323.542
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Bán phim, tem, sách	3.685.551.210	3.033.279.430
Các đối tượng khác	Bán tem, sách	6.081.931.363	3.424.122.167
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phí QLXB, khác	3.284.181.317	3.517.500.907
	Thuê nhà, điện, nước	371.498.689	739.866.364
	Mua tem mẫu	541.200.000	547.800.000
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Mua sách các loại	6.211.522.676	5.068.119.936
Công ty CP Sách Dân tộc	Mua sách các loại	837.239.172	823.267.990
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Mua sách các loại	5.756.739.809	4.318.778.649
Các đối tượng khác	Mua sách các loại	2.799.529.522	2.606.385.436
Khác			
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Nhận cổ tức bằng tiền	75.000.000	75.000.000

c. Thù lao Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc

	Năm 2019	Năm 2018
Thu nhập của Ban Giám đốc	4.404.760.252	3.691.513.769
Thù lao Hội đồng quản trị	1.256.000.000	550.000.000

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 07/02/2020, Hội đồng quản trị đã có Nghị quyết số 02-2020/NQ-HĐQT thông báo ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tạm ứng cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt là ngày 11/03/2020; Tỷ lệ thực hiện là 14%; Ngày thanh toán là 16/04/2020.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

00707
CÔNG TY
N.H.I
DÂN VÀ
A
CHAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi AAC.



Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng

A blue ink signature of Nguyễn Phong Yên.

Nguyễn Phong Yên

Người lập biểu

A blue ink signature of Nguyễn Huy Hoàng.

Nguyễn Huy Hoàng

